

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chương: 426

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CCBVMT ngày tháng 01 năm 2021 của Chi cục Bảo vệ Môi trường)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	750,00
1	Lệ phí:	0,00
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí:	750,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	200,00
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	500,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	50,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)	595,00
	Chi quản lý hành chính	595,00
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	595,00
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	155,00
1	Lệ phí	0,00
2	Phí	155,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	150,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	5,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.466,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.466,00
1	Chi quản lý hành chính (341)	1.658,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.523,00
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	1.523,00
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.030,00
	+ Kinh phí hoạt động	444,00
	+ Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ	49,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	135,00
	- Hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn	90,00
	- Mua sắm phần mềm quản lý tài sản	
	- Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	45,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0,00
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	0,00
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	11.808,00
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.808,00
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (278)	11.808,00
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	1.800,00
	* Phối hợp các Hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng các sự kiện: Ngày môi trường thế giới 5/6; Ngày Đa dạng sinh học 22/5; Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn	195,00
	* Tập huấn về BVMT cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh	46,00
	* Lớp tập huấn về BVMT cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường tại các Doanh nghiệp	50,00
	* Kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	83,00
	* Nâng cao nhận thức và kỹ năng của tuyên truyền viên về phòng chống rác thải nhựa và ứng phó với biến đổi khí hậu của các tổ chức chính trị - xã hội; cộng đồng dân cư, doanh nghiệp; Phương tiện thông tin đại chúng, phương tiện giao thông và khu vực công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Định.	460,00
	* Kiểm tra kiểm soát ô nhiễm theo kế hoạch	50,00
	* Thanh kiểm tra đột xuất (Kiểm tra đột xuất theo phản ánh qua đường dây nóng và khiếu kiện)	10,00
	* Điều tra, thống kê định kỳ các HST, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Khu bảo tồn An Toàn	500,00
	* Điều tra, thống kê định kỳ các HST, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đàm Đề Gi	400,00
	* Kinh phí duy trì, vận hành hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải	6,00

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	+ Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường	10.008,00
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Sử dụng nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	467,00